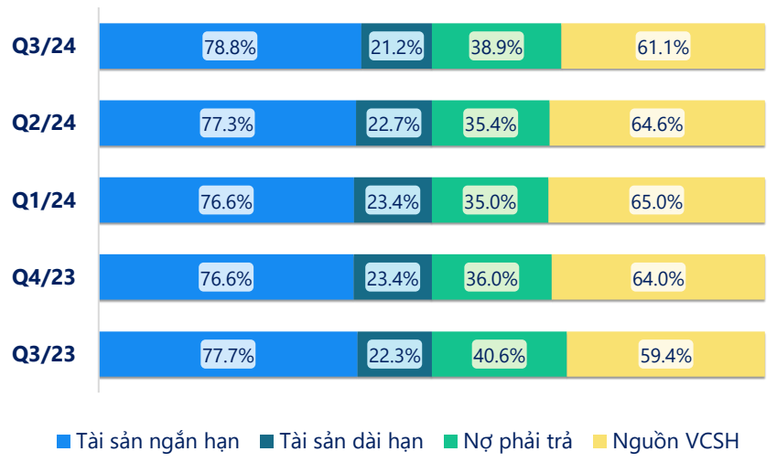
FireAnt

CTCP Tập đoàn Thiên Quang (HNX: ITQ)

Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	2,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,400
SL cổ phiếu LH	31,843,305
KLGD BQ 20 phiên (CP)	369,195
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	89
P/E	67.5
EPS	42

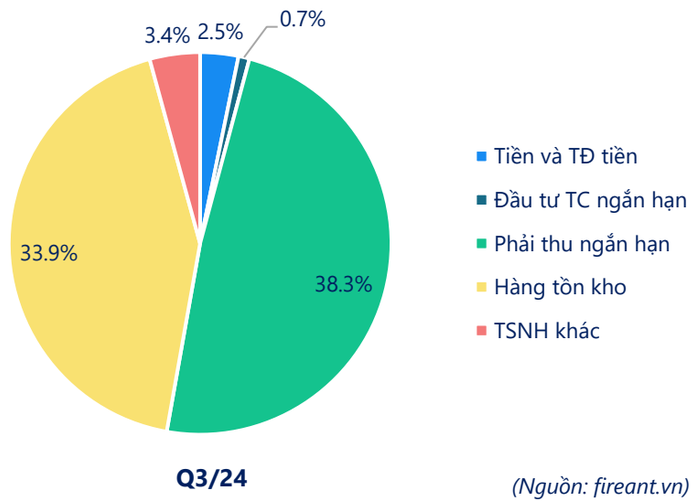
	YTD	1T	3T	6T
ITQ	7.7%	12.0%	-3.4%	-12.5%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



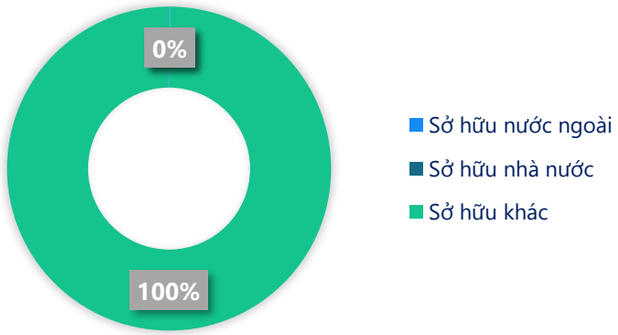
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



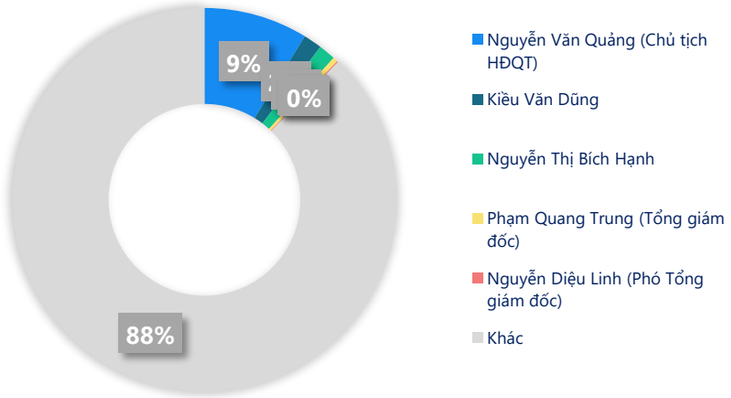
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



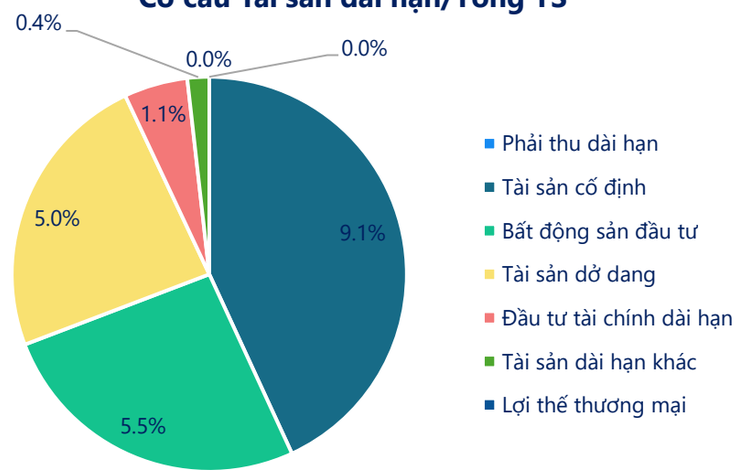
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

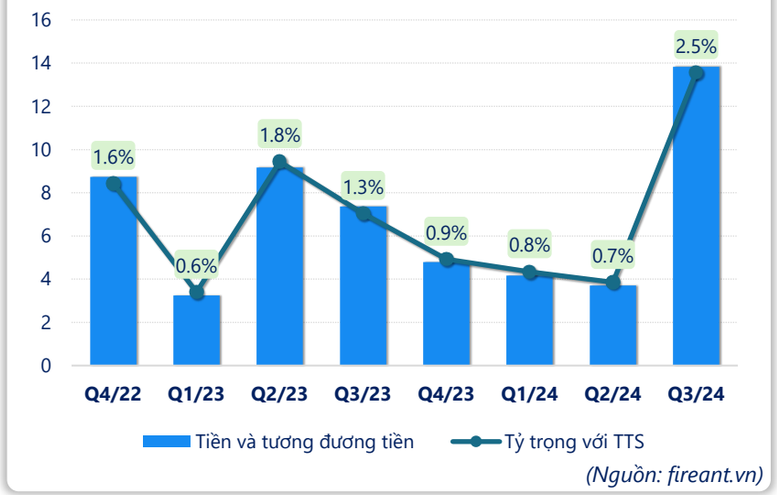


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

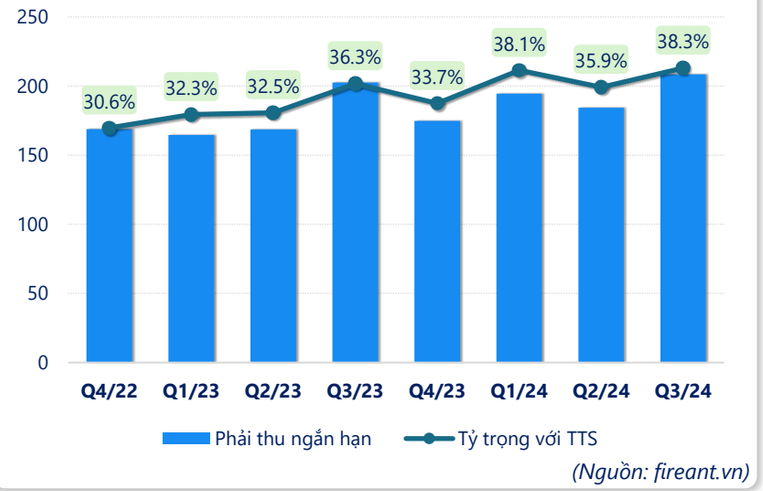
CTCP Tập đoàn Thiên Quang (HNX: ITQ)

Tiền và tương đương tiền



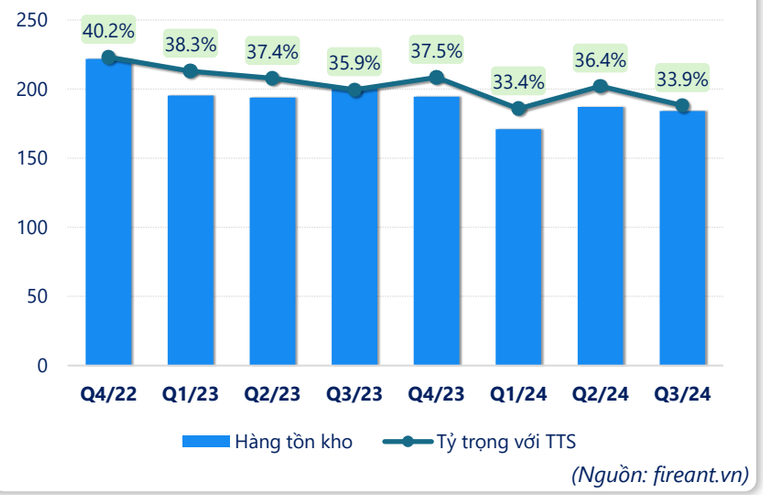
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



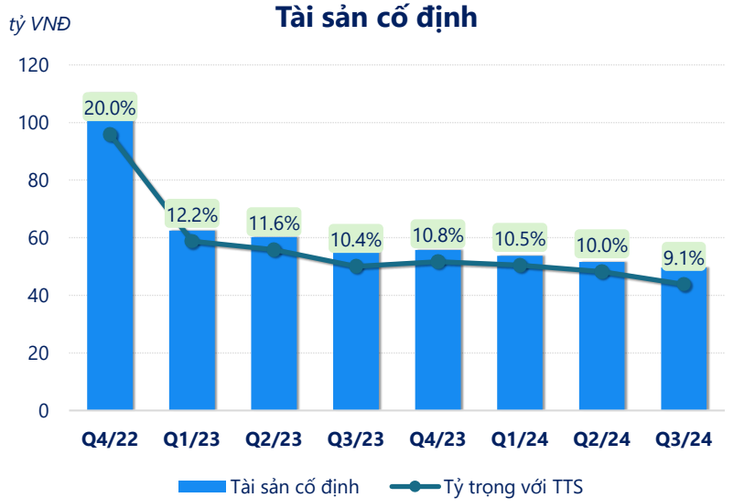
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



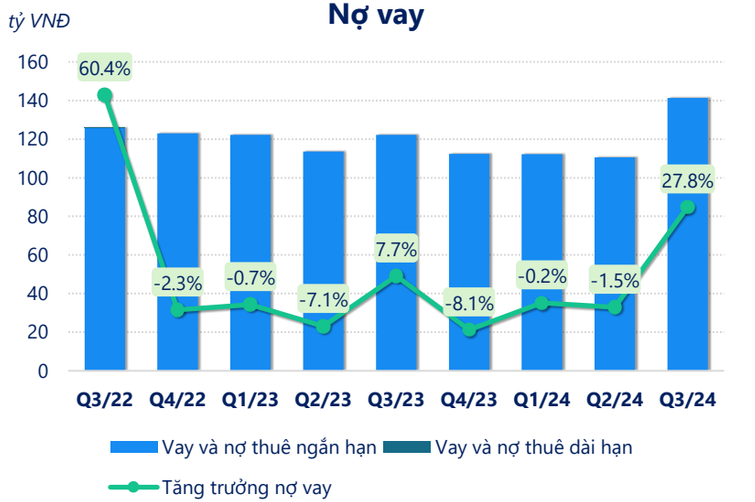
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



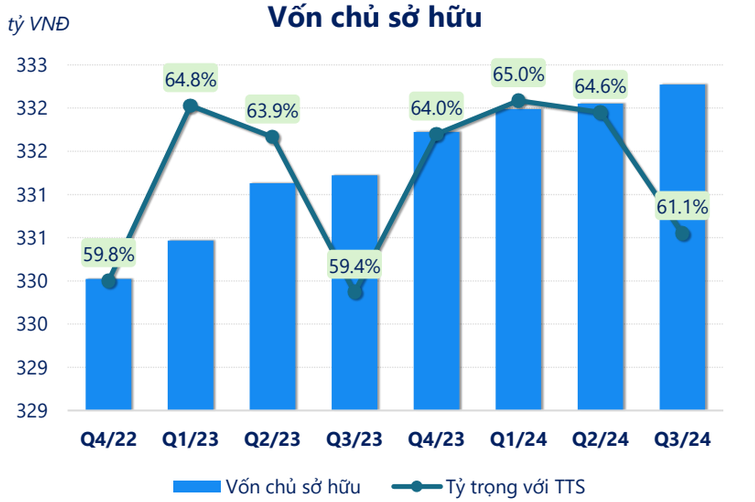
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

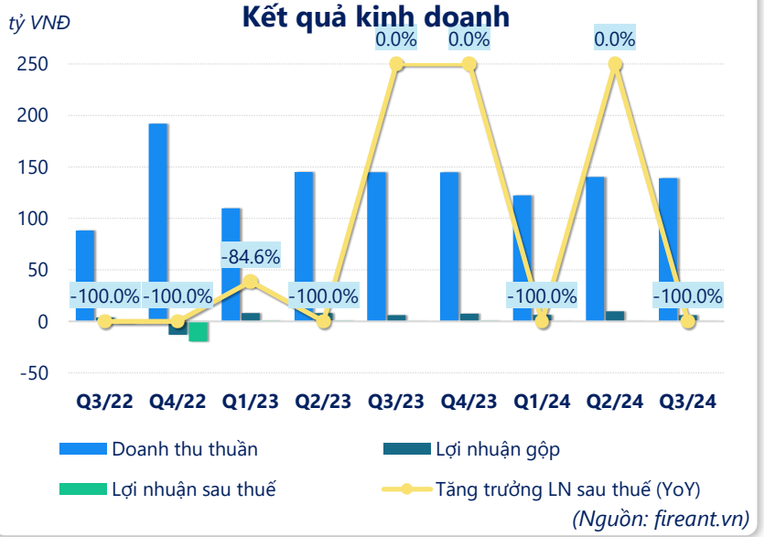


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

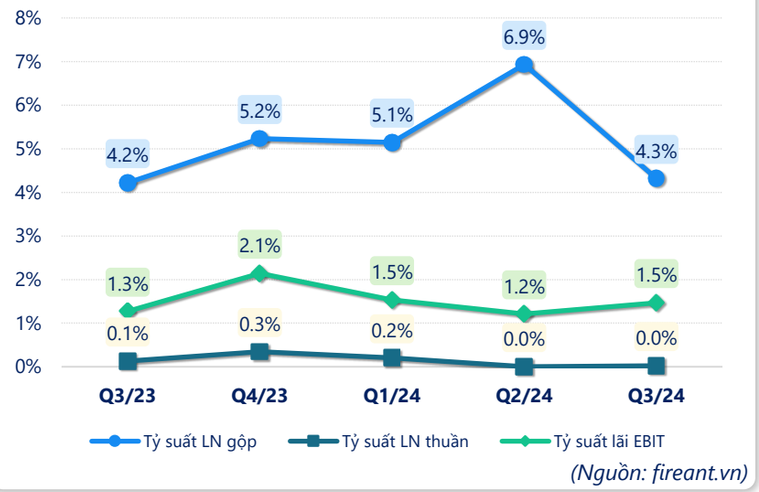
CTCP Tập đoàn Thiên Quang (HNX: ITQ)

Kết quả kinh doanh



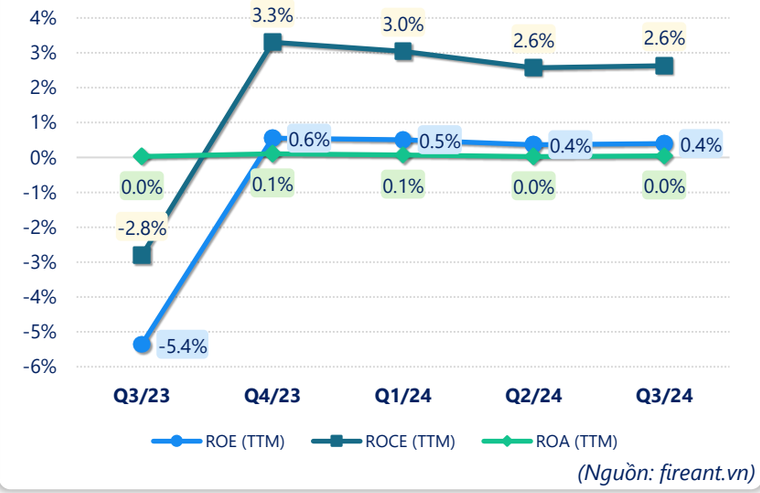
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



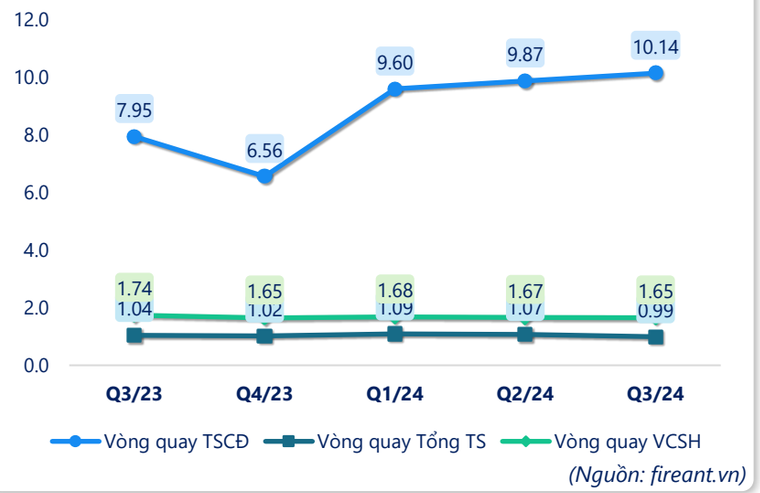
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



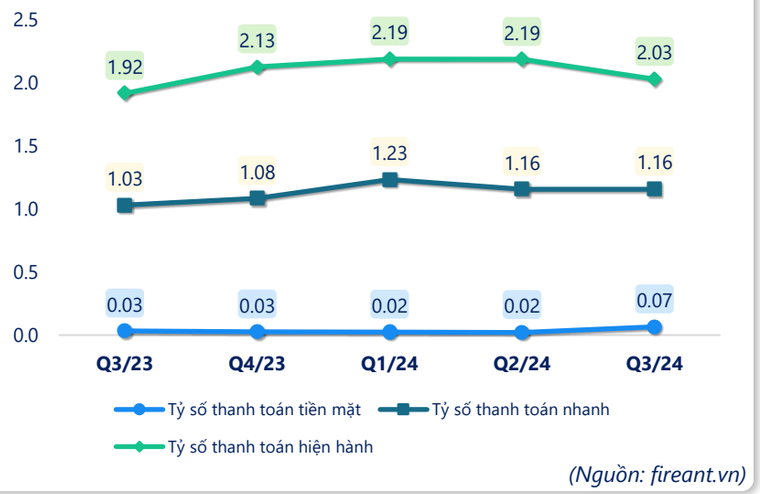
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



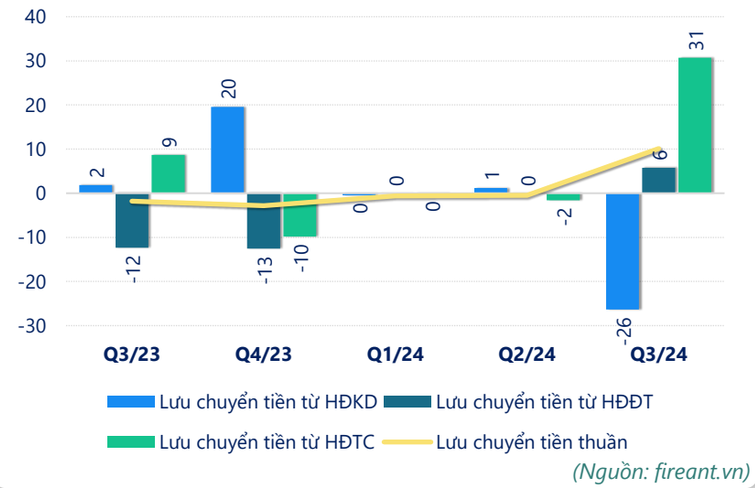
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tập đoàn Thiên Quang (HNX: ITQ)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**544**	**517**	**5.2%**
Tài sản ngắn hạn	429	396	8.4%
Tiền và tương đương tiền	13.8	4.75	191%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.00	4.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	208	173	20.4%
Hàng tồn kho	184	195	-5.4%
Tài sản ngắn hạn khác	18.2	19.1	-4.3%
Tài sản dài hạn	**115**	**121**	**-5.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	49.6	55.8	-11.0%
Bất động sản đầu tư	30.0	30.0	0.0%
Tài sản dở dang	27.4	27.4	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.00	6.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.06**	**1.94**	**5.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	211	185	14.3%
Nợ ngắn hạn	**211**	**185**	**14.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	141	112	25.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	66.8	70.1	-4.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**332**	**332**	**0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**332**	**332**	**0.2%**
Vốn điều lệ	318	318	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	145	145	122	140	139
Giá vốn hàng bán	139	137	116	131	133
Lợi nhuận gộp	6.11	7.57	6.30	9.72	6.00
Doanh thu HĐTC	0.18	1.10	0.09	1.70	0.36
Chi phí TC	2.29	3.50	1.79	3.34	1.81
Chi phí lãi vay	1.62	2.53	1.52	1.57	1.78
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.61	2.29	2.05	2.69	2.19
Chi phí QLDN	2.20	2.38	2.30	5.39	2.34
LN thuần từ HĐKD	0.19	0.50	0.25	0.00	0.04
Lợi nhuận khác	0.03	0.07	0.11	0.13	0.23
LN trước thuế	0.22	0.57	0.36	0.13	0.26
Lợi nhuận sau thuế	0.15	0.57	0.36	0.13	0.26
LNST của CĐ cty mẹ	0.15	0.57	0.36	0.13	0.26

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.82	19.6	-0.47	1.15	-26.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.3	-12.6	0.08	0.01	5.78
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	8.69	-9.85	-0.19	-1.63	30.7
Tiền đầu kỳ	9.17	7.36	4.75	4.17	3.71
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.81**	**-2.82**	**-0.58**	**-0.47**	**10.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.25	0	0.01	0
Tiền cuối kỳ	7.36	4.79	4.17	3.71	13.8

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic